

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH**

TRỊNH DUY THUYỀN

**NỘI LUẬT HÓA QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC LIÊN HỢP
QUỐC VỀ CHỐNG TRA TẤN ĐỐI VỚI LẤY LỜI KHAI,
HỎI CUNG BỊ CAN TRONG BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH
SỰ VIỆT NAM**

**CHUYÊN NGÀNH LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ
MÃ SỐ: 9.38.01.04**

Người hướng dẫn khoa học: PGS, TS. Nguyễn Thị Phương Hoa

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2021

Công trình được hoàn thành tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

Người hướng dẫn khoa học: PGS, TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Trường họp tại phòngTrường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, số 2 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, vào hồi...giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm 2022.

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, số 2 Nguyễn Tất Thành, Quận 4 hoặc Thư viện Khoa học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Trịnh Duy Thuyên (2015), *Cần nội luật hóa Công ước chống tra tấn (CAT) khi sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự*, Tr. 164, Tạp chí dân chủ pháp luật – Bộ tư pháp, số chuyên đề tháng 7/2015.

2. Trịnh Duy Thuyên (2015), *Hoàn thiện quy định về tội dùng nhục hình trong bộ luật hình sự theo tinh thần Công ước chống tra tấn*, Tr.48, Tạp chí Kiểm sát – Viện kiểm nhân dân tối cao, số 2 (232).

3. Võ Thị Kim Oanh, Trịnh Duy Thuyên (2015), *Hoàn thiện các quy định về biện pháp cưỡng chế trong bộ luật tố tụng hình sự 2003*, Tr.123, Hội thảo quốc tế sửa đổi Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự theo Hiến pháp 2013 và tham khảo kinh nghiệm nước ngoài, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, tháng 9/2015.

4. Võ Thị Kim Oanh, Trịnh Duy Thuyên (2016), *Một số điểm mới về chứng cứ trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015*, Tạp chí Khoa học pháp lý - Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, số 03 (97).

5. Võ Thị Kim Oanh, Trịnh Duy Thuyên (2016), *Một số quy định của pháp luật Việt Nam cần hoàn thiện theo yêu cầu Công ước chống tra tấn*, Tr.124, Hội thảo khoa học một số vấn đề về nội luật hóa quy định của Điều ước quốc tế trong xây dựng pháp luật hình sự, Trường Đại học An ninh nhân dân, tháng 11/2016.

6. Trịnh Duy Thuyên (2017), *Công ước chống tra tấn và một số vấn đề đặt ra cho công tác điều tra của lực lượng Công an*, Tr. 48, Tạp chí Khoa học giáo dục Cảnh sát nhân dân, số 86, tháng 2/2017.

7. Nguyễn Thành Phúc, Trịnh Duy Thuyền (2020), *About prevention of torture in interrogation of accused on position of criminal procedure code of Russian federation and experience for Socialist Republic of Viet Nam*, P. 82, Law & Legislation, no 7/2020.

8. Trịnh Duy Thuyền (2021), *Phòng ngừa tra tấn đối với hoạt động lấy lời khai, hỏi cung bị can một số kiến nghị*, Tr. 15, Tạp chí dân chủ pháp luật – Bộ Tư pháp, số tháng 9/2021 (354).

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngày 28/11/2014, Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 đã thông qua Nghị quyết số 83/2014/QH13 phê chuẩn Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm (Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn). Khi tham gia Công ước đòi hỏi Việt Nam phải thực hiện những biện pháp cụ thể để phòng ngừa tra tấn. Thực tiễn cho thấy, tra tấn có khả năng xảy ra trong môi trường khép kín, giữa một bên là đại diện quyền lực cơ quan nhà nước cần thu thập thông tin với một bên đang bị nghi ngờ đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, LLK, HCBC ở giai đoạn điều tra, là những hoạt động có khả năng xảy ra tra tấn và vấn đề nội luật hóa Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn đối với lấy lời khai, hỏi cung bị can trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam là một nội dung cấp thiết cần được nghiên cứu.

2. Mục đích nghiên cứu

Thông qua việc nghiên cứu những vấn đề lý luận và pháp lý về nội luật hoá các quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn đối với LLK, HCBC trong BLTTHS năm 2015; kinh nghiệm nước ngoài. Luận án đề xuất những giải pháp, hoàn thiện các quy định về LLK, HCBC trong BLTTHS Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa tra tấn.

3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận, pháp lý và thực tiễn thực hiện nghĩa vụ của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn tại Việt Nam đối với LLK, HCBC trong BLTTHS năm 2015.

Lý luận về nội luật hóa quy định Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn vào BLTTHS

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về LLK, HCBC của các Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong BLTTHS năm 2015.

Đánh giá tương đồng và khác biệt giữa quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn với quy định về LLK, HCBC trong BLTTHS năm 2015. Nghiên cứu thực trạng những bất cập, hạn chế có thể dẫn đến tra tấn đối với quy định LLK, HCBC khi thực hiện Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn,.

Nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia đã thực hiện nội luật hóa Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn đối với quy định về LLK, HCBC trong BLTTHS.

Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện quy định LLK, HCBC trong BLTTHS năm 2015 để phòng ngừa tra tấn.

4. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nội dung: Luận án nghiên cứu nghĩa vụ lập pháp của Việt Nam sau khi phê chuẩn Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn đối với quy định về LLK, HCBC trong BLTTHS năm 2015 để phòng ngừa tra tấn; khảo sát thực tiễn áp dụng quy định của BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 20015 về LLK, HCBC về phòng ngừa tra tấn; tham khảo kinh nghiệm nội luật hóa đối với LLK, HCBC của một số quốc gia đã phê chuẩn Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn như: Liên Bang Nga, CHLB Đức, Vương quốc Anh.

Phạm vi chủ thể: Luận án nghiên cứu quá trình LLK, HCBC được thực hiện bởi lực lượng Công an cấp xã; Cơ quan Cảnh sát điều tra các cấp trong lực lượng Công an nhân dân.

LLK: luận án nghiên cứu quá trình LLK đối với những đối tượng có thể bị tra tấn như: người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tố giác, kiến nghị khởi tố.

HCBC: luận án nghiên cứu quá trình hỏi cung đối với bị can.

Phạm vi không gian: toàn quốc.

Phạm vi thời gian: từ năm 2010 đến năm 2020.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận án

Đây là Luận án tiến sĩ đầu tiên ở Việt Nam nghiên cứu một cách có hệ thống và chuyên sâu về nội luật hóa quy định Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn đối với LLK, HCBC trong BLTTHS Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu của Luận án góp phần bổ sung cơ sở lý luận về nội luật hóa các ĐUQT mà Việt Nam đã ký kết nói chung và Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn nói riêng; làm rõ những điểm tương đồng, hạn chế trong quy định về LLK, HCBC trong BLTTHS năm 2015 so với Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn và thực tiễn thực hiện phòng ngừa tra tấn tại Việt Nam. Từ đó có một góc nhìn toàn diện về phòng ngừa tra tấn và là cơ sở để phát triển thêm các công trình nghiên cứu khoa học khác có liên quan.

Những kiến nghị hoàn thiện dựa trên các căn cứ khoa học sẽ là nguồn tài liệu, là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền tiếp tục nghiên cứu, có thể vận dụng khi hoàn thiện BLTTHS Việt Nam. Đồng thời, là nguồn tài liệu cho sinh viên, giảng viên luật học, các nhà khoa học trong quá trình giảng dạy và để cho ĐTV, cán bộ điều tra, KSV, kiểm tra viên nhận thức được tầm quan trọng của phòng ngừa tra tấn bảo đảm quyền con người trong hoạt động tố tụng hình sự.

6. Kết cấu của Luận án

Chương 1: Lý luận về nội luật hóa quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn đối với lấy lời khai, hỏi cung bị can trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Chương 2: Đánh giá quy định về lấy lời khai, hỏi cung bị can trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam so với quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn.

Chương 3: Đánh giá thực tiễn áp dụng quy định phòng ngừa tra tấn đối với lấy lời khai, hỏi cung bị can trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam so với quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn.

Chương 4: Kinh nghiệm lập pháp của nước ngoài về Nội luật hóa quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn đối với lấy lời khai, hỏi cung bị can

Chương 5: Kiến nghị về nội luật hóa quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn đối với quy định lấy lời khai, hỏi cung bị can trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam.

TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1 Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Thứ nhất, công trình nghiên cứu về thực hiện ĐUQT của quốc gia thành viên

“*The incorporation of public international law into municipal law and regional law against the background of the dichotomy between monism and dualism*”, (2014) của tác giả G Ferreira & A Ferreira-Snyman. Các tác giả đã bàn luận về lý thuyết Nhất nguyên luận và Nhị nguyên luận và cho rằng các học thuyết này đại diện cho hai cách tiếp cận khác nhau đối với mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia. Công trình “*The relationship between international law and national law in the case of Kosovo: A constitutional perspective*”, (2011) tác giả Visar Morina, Fisnik Korenica, Dren Doli. Công trình đề cập đến mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia ở Kosovo

Thứ hai, công trình nghiên cứu bình luận về tra tấn; hình thức tra tấn trong thực tiễn

“*The United Nations Convention Against Torture,*”, (2008) tác giả Manfred Nowak, Elizabeth McArthur. Đây được xem là nguồn tài liệu đầy đủ nhất, được nghiên cứu, biên soạn bởi những tác giả là nhà nghiên cứu nổi tiếng về vấn đề nhân quyền; “*A History of Torture,*”, (2007), của tác giả Jame Ross cung cấp thông tin về lịch sử về tra tấn và chống tra tấn của nhân loại. “*Extraordinary renditions and the protection of human rights*”, (2010), của tác giả Manfred Nowak, Roland Schmidt. Đây là kết quả của cuộc Hội thảo của viện nhân quyền Ludwig Boltzmann tổ chức vào ngày 6,7 tháng 10 năm 2008; “*Does it Make Us Safer? Is it Ever Ok? A Human Right Perspective*” (2007), được biên tập bởi Kenneth Roth và Minky Worden hợp tác xuất bản. Trong cuốn sách này có 12 bài luận của

các nhà tư tưởng hàng đầu và các chuyên gia về lịch sử và các lục địa, cung cấp một thăm dò chi tiết của chủ đề tra tấn.

Thứ ba, các công trình phòng ngừa tra tấn trong lĩnh vực tổ tụng hình sự của một số quốc gia

“*A handbook for public officials*”, (2008), của tác giả Wayne K.Lemieux. Đây là cẩm nang cung cấp thông tin hướng dẫn pháp luật cho nhân viên thực thi pháp luật làm thế nào để chấm dứt hành vi tra tấn trong công việc thường ngày của họ “*Police and criminal Evidence Act 1984.*” Đây là đạo luật của quốc hội nhằm tạo ra một khuôn khổ pháp lý cho quyền lực của nhân viên Cảnh sát tại Anh chống tội phạm, cũng như cung cấp các quy trình cho việc thực hiện những quyền lực.

Thứ tư, công trình nghiên cứu về đối tượng, môi trường thường xảy ra tra tấn

“*Understading torture*”, (2011), của tác giả John T.Parry. Tác giả giải thích tra tấn là một bộ phận bình thường của bộ máy cưỡng bức của nhà nước cho nhiều mục đích khác nhau, bao gồm trật tự công cộng; kiểm soát các nhóm thiểu số chủng tộc, sắc tộc và tôn giáo vì lợi ích của sự thống trị; “*Art of torture*” của tác giả Jeanne Sarson, Linda MacDonald. Đây là một bài báo nhấn mạnh sự phổ quát hành vi tra tấn mặc dù đã cam kết của quốc gia, nhân viên nhà nước hoặc tra tấn được gây ra bởi bạo lực gia đình; “*Human Rights in Closed Environments*”, (2014), của tác giả Bronwyn Naylor, Julie Debeljak, Anita Mackay. Công trình đưa ra các nội dung xem xét quyền con người trong môi trường kín: nhà tù, cảnh sát, trung tâm di trú tạm giam.

1.2 Tình hình nghiên cứu trong nước

Thứ nhất, nhóm công trình nghiên cứu nội luật hoá quy định của điều ước quốc tế vào pháp luật quốc gia

Đề tài cấp bộ “*Nội luật hóa các quy định của Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia trong bộ luật hình sự Việt Nam*” (2016) của PGS,TS Nguyễn Thị Phương Hoa; Trường Đại học luật Thành phố Hồ Chí Minh. Công trình nghiên cứu nêu lên cơ sở lý luận cho hoạt động nội luật hoá các quy định của CTOC vào pháp luật Việt Nam, mà cụ thể là vào BLHS. Đề tài khoa học cấp Bộ “*Nội luật hóa các điều ước quốc tế Việt Nam ký kết và tham gia phục vụ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế*” (2007) do TS. Hoàng Phước Hiệp làm chủ nhiệm - Cơ quan chủ quản Bộ Tư pháp.

“*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chuyển hóa điều ước quốc tế vào pháp luật quốc gia*”(2003), của Ngô Đức Mạnh, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 108/2003, Tr.60; “*Cơ sở lý luận của hoạt động chuyển hóa Điều ước quốc tế*” (2003), của Lê Mai Anh, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 179/2003, Tr.48; “*Nội luật hóa và vai trò của Nội luật hóa trong việc thực hiện Điều ước quốc tế*”(2013), của Mạc Thị Hoài Thương, Tạp chí nhà nước và pháp luật số 10/2013, Tr.78; “*Nội luật hóa điều ước quốc tế trong luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005- thực trạng và giải pháp*” (2015), của Nguyễn Thị Hồng Yến, Đỗ Quý Hoàng, Tạp chí Luật học số 10/2015, Tr.71.

Thứ hai, nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến nội luật hoá quy định Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn vào BLTTHS Việt Nam

Đề tài khoa học cấp cơ sở “*Nội luật hóa các quy định của công ước chống tra tấn về quyền của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự Việt Nam*” (2015), của Lương Thị Mỹ Quỳnh - Trường Đại học luật Thành phố Hồ Chí Minh. Tác giả tập trung phân tích những vấn đề về lịch sử về tra tấn và chống tra tấn. Đây là nền tảng cốt lõi về quyền con

người, do đó quan điểm của tác giả cho rằng cần có một cơ chế bảo đảm quyền của người bị buộc tội khỏi các hành vi tra tấn.

Một số bài viết “*Vấn đề cấm tra tấn trong Luật nhân quyền quốc tế và việc hoàn thiện khung pháp luật về phòng, chống tra tấn ở Việt Nam*” (2014) của tác giả Đào Trí Úc, tại Hội thảo về chống tra tấn - trường Đại học luật Thành phố Hồ Chí Minh; “*Nội luật hóa các quy định của Công ước quốc tế về chống tra tấn đối với hoạt động hỏi cung bị can trong tố tụng hình sự Việt Nam*” (2014) của tác giả Võ Thị Kim Oanh, Lê Thị Thùy Dương (Tạp chí Khoa học pháp lý Trường Đại học luật Thành phố Hồ Chí Minh, số 3/2014); “*Thực hiện nghĩa vụ của quốc gia trong việc nội luật hóa các quy định của Công ước chống tra tấn trong lĩnh vực tố tụng hình sự*” (2014) của tác giả Trần Văn Độ, tại Hội thảo về chống tra tấn - Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh; “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn và một số giải pháp giúp cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, phạm nhân tự bảo vệ mình tránh khỏi hành vi tra tấn*” (2014) của tác giả Nguyễn Hải Anh, tại Hội thảo đảm bảo thực thi Công ước chống tra tấn, Cục Pháp chế, Bộ Công an; “*Trao đổi một số vấn đề về tình hình tội phạm dùng nhục hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*” (2015) của Nguyễn Bích Thủy, Nguyễn Ngọc Minh Thông, Tạp chí Nghề Luật, số 05 tháng 10/2015... Các tác giả tập trung phân tích Luật nhân quyền quốc tế; phân tích, đánh giá các quy định của BLTTHS Việt Nam trong mối tương quan với Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn.

Thứ ba, nhóm đề tài có liên quan đến LLK, HCBC trong tố tụng hình sự

Sách chuyên khảo “*Hỏi cung bị can người chưa thành niên phạm tội về trật tự xã hội*” (2016), của Tác giả Bùi Thành Chung, Nxb Công an nhân dân. Tác giả cho rằng, Việt Nam là một trong những quốc

gia trên thế giới, sớm tham gia Công ước quốc tế về quyền trẻ em và đã cụ thể hóa nội dung Công ước vào hệ thống pháp luật Việt Nam. Luận án tiến sĩ “*Sử dụng chứng cứ trong hỏi cung bị can - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*” (2011), của tác giả Trần Nguyên Quân. Tác giả làm rõ những vấn đề cơ bản về sử dụng chứng cứ và chiến thuật HCBC trong điều tra các vụ án của Cơ quan Cảnh sát điều tra các cấp.

Thứ tư, nhóm công trình nghiên cứu đảm bảo quyền con người của người bị buộc tội nhằm phòng ngừa hành vi tra tấn

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ “*Bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự Việt Nam*” của Nguyễn Thái Phúc (2005). Đề tài nghiên cứu vấn đề quyền con người, quyền công dân và Nhà nước pháp quyền, bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự.

Luận án tiến sĩ luật học “*Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự Việt Nam*” (2011) của Lại Văn Trinh, tác giả nghiên cứu các quan niệm về Nhà nước và pháp quyền Xã hội chủ nghĩa và các đặc trưng của nó; các quyền con người trong Nhà nước pháp quyền.

Luận án tiến sĩ luật học “*Quyền bào chữa của bị can, bị cáo là người chưa thành niên trong tố tụng hình sự Việt Nam*” (2014), của Nguyễn Hữu Thế Trạch. Tác giả đi sâu nghiên cứu những vấn đề lý luận về quyền bào chữa của bị can, bị cáo là người chưa thành niên, đưa ra được khái niệm, đặc điểm về quyền bào chữa của bị can, bị cáo là người chưa thành niên trong tố tụng hình sự Việt Nam.

1.3 Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu

Một là, các tác giả nghiên cứu ở những khía cạnh khác nhau của hoạt động thu thập chứng cứ nói chung trong BLTTHS Việt Nam năm 2003, có một số bài nghiên cứu dựa trên các quy định của BLTTHS Việt Nam năm 2015.

Hai là, các bài viết chủ yếu phân tích, đánh giá các quy định của BLTTHS Việt Nam 2003 để làm rõ những bất cập của luật thực định. Từ đó đưa ra các đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm phòng ngừa tra tấn. Nhưng chưa tiến hành khảo sát cụ thể về thực trạng tra tấn trong các hoạt động tố tụng hình sự Việt Nam để làm căn cứ cho các đề xuất phòng ngừa tra tấn.

Ba là, đa phần các công trình chưa tham khảo kinh nghiệm trong quy định LLK, HCBC (thẩm vấn) của các quốc gia thành viên Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu tổng quát: nội luật hóa quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn đối với LLK, HCBC trong BLTTHS Việt Nam như thế nào để phòng ngừa tra tấn, nhằm bảo đảm và nâng cao quyền con người trong tố tụng hình sự Việt Nam.

2.1.2. Lý thuyết nghiên cứu

- Các tư tưởng, học thuyết về Nhà nước và pháp luật nói chung; mô hình tố tụng hình sự nói riêng.

- Học thuyết nhất nguyên luận và nhị nguyên luận.

- Lý luận về tra tấn theo quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn, các thành tựu về phòng ngừa tra tấn của các tác giả trong và ngoài nước

- Lý luận về LLK, HCBC trong BLTTHS Việt Nam.

2.1.3. Các giả thuyết nghiên cứu

Để bảo vệ quyền con người, Việt Nam đã gia nhập rất nhiều ĐUQT (trong đó có Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn) và đã đang ban hành, sửa đổi, bổ sung một số quy phạm pháp luật tố tụng hình sự trong

nước, để phòng ngừa tra tấn trong quá trình CQĐT giải quyết VAHS. Bên cạnh những mặt tích cực trong đấu tranh phòng chống tội phạm để bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của công dân thì “tra tấn” vẫn còn xảy ra khi tiến hành LLK, HCBC trong hoạt động tố tụng hình sự.

2.1.5. Dự kiến kết quả nghiên cứu của luận án

Tác giả dự kiến kết quả nghiên cứu của luận án như sau:

Bổ sung, hệ thống lý luận về tra tấn, LLK, HCBC, nội luật hoá Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn vào BLTTHS. Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu theo quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn đối với LLK, HCBC trong BLTTHS Việt Nam. Từ đó, làm cơ sở tiến hành khảo sát thực trạng phòng ngừa tra tấn khi LLK, HCBC trong BLTTHS Việt Nam.

Thực trạng phòng ngừa tra tấn khi tiến hành LLK, HCBC trong theo quy định của BLTTHS Việt Nam. Kinh nghiệm của nước ngoài về phòng ngừa tra tấn đối với LLK, HCBC trong BLTTHS của một số quốc gia thành viên Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn.

Kiến nghị giải pháp hoàn thiện phòng ngừa tra tấn đối với LLK, HCBC trong BLTTHS Việt Nam phù hợp với quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp lịch sử; Phương pháp pháp luật so sánh; Phương pháp thống kê và phân tích số liệu; Phương pháp tổng kết kinh nghiệm thực tiễn; Phương pháp chuyên gia; Phương pháp điều tra điển hình; Phương pháp điều tra xã hội học.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN VỀ NỘI LUẬT HÓA QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC LIÊN HỢP QUỐC VỀ CHỐNG TRA TẤN ĐỐI VỚI LẤY LỜI KHAI, HỎI CUNG BỊ CAN TRONG BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm, đặc điểm của tra tấn

1.1.1 Khái niệm, đặc điểm của tra tấn trong các văn kiện quốc tế và nghiên cứu nước ngoài

Khái niệm về tra tấn được quy định tại Điều 1 của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn. Hành vi tra tấn có thể được thực hiện bằng hai hình thức, tra tấn thể chất và tra tấn tinh thần.

1.1.2 Khái niệm, đặc điểm của tra tấn theo quan điểm các nhà nghiên cứu Việt Nam

Hiện nay đã có một số nhà khoa học ở Việt Nam, đưa ra khái niệm tra tấn có những quan điểm tương đồng so với Điều 1 của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn.

1.2 Khái niệm, đặc điểm của lấy lời khai, hỏi cung bị can

1.2.1 Khái niệm, đặc điểm lấy lời khai

1.2.2 Khái niệm, đặc điểm Hỏi cung bị can

1.3. Khái niệm, nguyên tắc và ý nghĩa nội luật hoá quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn đối với lấy lời khai, hỏi cung bị can trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam

1.3.1. Khái niệm nội luật hóa quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn đối với lấy lời khai, hỏi cung bị can trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam

Theo tác giả nội luật hóa là “hoạt động của cơ quan Lập pháp tiến hành chuyển hóa các quy phạm của Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành

viên để bảo đảm sự tương thích giữa hệ thống pháp luật quốc gia với Điều ước quốc tế đó, nhằm tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Việt Nam, không trái với Điều ước quốc tế đã ký.”

1.3.2. Nguyên tắc nội luật hóa Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn đối với quy định lấy lời khai, hỏi cung bị can trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam

Một là, nhằm tổ chức thực hiện cam kết quốc tế mà Việt Nam thấy thuận lợi và phù hợp nhất.

Hai là, tiến hành chọn những quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến LLK, HCBC.

Ba là, cần đảm bảo sự thống nhất giữa của quy định Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn và quy định LLK, HCBC trong BLTTHS Việt Nam.

Bốn là, bảo đảm tương xứng và phù hợp giữa quy định chung mang tính nguyên tắc của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn và quy định riêng đối với LLK, HCBC trong BLTTHS Việt Nam.

Năm là, nội dung được nghiên cứu để tiến hành nội luật hoá quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn đối với quy định LLK, HCBC trong BLTTHS Việt Nam phải cụ thể, rõ ràng.

Sáu là, sau khi đã nội luật hóa, các quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn vẫn tồn tại và có hiệu lực trong quan hệ quốc tế.

1.3.3. Ý nghĩa nội luật hóa quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn đối với lấy lời khai, hỏi cung bị can trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam.

CHƯƠNG 2

ĐÁNH GIÁ QUY ĐỊNH VỀ LẤY LỜI KHAI, HỎI CUNG BỊ CAN TRONG BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM SO VỚI QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC LIÊN HỢP QUỐC VỀ CHỐNG TRA TẤN

2.1 Quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn về nghĩa vụ của các quốc gia thành viên phòng ngừa tra tấn có liên quan đến lấy lời khai, hỏi cung bị can

Nghĩa vụ thứ nhất: mỗi quốc gia thành viên phải rà soát một cách có hệ thống các quy tắc, hướng dẫn, phương pháp và thực tiễn thẩm vấn cũng như các cơ chế giam giữ và đối xử với những người bị bắt, giam giữ, cầm tù dưới mọi hình thức, ở bất kỳ lãnh thổ nào thuộc quyền tài phán của mình, nhằm mục đích ngăn chặn mọi vụ việc tra tấn.

Nghĩa vụ thứ hai: mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng các cơ quan có thẩm quyền của mình sẽ tiến hành điều tra khẩn trương và khách quan mỗi khi có cơ sở hợp lý để tin rằng việc tra tấn đã xảy ra trên lãnh thổ thuộc quyền tài phán của mình.

Nghĩa vụ thứ ba: mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng bất kỳ cá nhân nào cho rằng họ bị tra tấn trên lãnh thổ thuộc quyền tài phán của mình đều có quyền khiếu nại với cơ quan có thẩm quyền của nước đó, và được những cơ quan này xem xét một cách khẩn trương và khách quan.

Nghĩa vụ thứ tư: mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm trong hệ thống pháp luật các nạn nhân của hành động tra tấn sẽ được cứu chữa và có quyền khả thi được bồi thường công bằng và thỏa đáng, kể cả được cung cấp những điều kiện để phục hồi một cách đầy đủ đến mức có thể.

Nghĩa vụ thứ năm: mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng bất kỳ phát ngôn nào được đưa ra như là kết quả của sự tra tấn sẽ không được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tiến trình tố tụng

nào, trừ khi để làm bằng chứng chống lại một người bị cáo buộc là đã thực hiện hành động tra tấn để có lời khai đó.

Nghĩa vụ thứ sáu: mỗi quốc gia thành viên cam kết phòng ngừa các hành vi đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người mà không giống với tra tấn như định nghĩa tại Điều 1 của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn.

2.2 Điểm tương đồng trong quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam về lấy lời khai, hỏi cung bị can so với quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn

- Điểm tương đồng trong quy định của BLTTHS năm 2015 so với nghĩa vụ thứ nhất của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn:

- + Quyền của những người tham gia tố tụng trong quá trình LLK, HCBC
- + Quy định về sự có mặt của người bào chữa khi tiến hành LLK, HCBC
- + Trình tự, thẩm quyền và nội dung LLK, HCBC

- Điểm tương đồng trong quy định của BLTTHS năm 2015 so với nghĩa vụ thứ hai của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn: để bảo đảm các hoạt động điều tra đối với hành vi tra tấn được nhanh chóng. BLTTHS năm 2015, quy định cụ thể về thời hạn, trình tự thủ tục điều tra.

- Điểm tương đồng trong quy định của BLTTHS năm 2015 so với nghĩa vụ thứ ba của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn: BLTTHS Việt Nam năm 2015 quy định người tham gia tố tụng có quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình tố tụng hình sự.

- Điểm tương đồng trong quy định của BLTTHS năm 2015 so với nghĩa vụ thứ tư của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn: ở Việt Nam, bồi thường thiệt hại không được quy định chi tiết, trực tiếp trong BLTTHS năm 2015, mà được điều chỉnh trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và một số văn bản hướng dẫn thi hành.

Tuy nhiên, điều này không làm ảnh hưởng nhiều đến nghĩa vụ bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực tố tụng hình sự.

- Điểm tương đồng trong quy định của BLTTHS năm 2015 so với nghĩa vụ thứ năm của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn: BLTTHS năm 2015 không quy định cụ thể nghĩa vụ “*không sử dụng lời khai có được từ hành vi tra tấn làm chứng cứ buộc tội*”. Nhưng nội dung này được quy định gián tiếp thông qua các nguyên tắc cơ bản và một số viện dẫn khác như: người tiến hành tố tụng không được dùng các biện pháp mớm cung, ép cung khi LLK, HCBC.

2.3 Những hạn chế trong quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam về lấy lời khai, hỏi cung bị can so với quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn

- Hạn chế trong quy định của BLTTHS Việt Nam so với nghĩa vụ thứ nhất của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn

+ Thông báo về quyền và nghĩa vụ khi tiến hành LLK, HCBC.

+ Thời gian, tần suất tiến hành LLK, HCBC.

+ Ghi âm, ghi hình có âm thanh khi tiến hành LLK, HCBC.

+ Nội dung câu hỏi khi tiến hành LLK, HCBC.

+ Sự tham gia của người bào chữa khi tiến hành LLK, HCBC có quy định nhưng chưa bảo đảm thực hiện, để phòng ngừa tra tấn.

+ Đối với LLK, HCBC người dưới 18 tuổi.

- Hạn chế trong quy định của BLTTHS Việt Nam so với nghĩa vụ thứ ba của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn: BLTTHS Việt Nam năm 2015 có quy định về quyền khiếu nại đối với quyết định, hành vi tố tụng trái quy định pháp luật. Tuy nhiên, đảm bảo quyền này, trong quá trình LLK, HCBC vẫn còn một số hạn chế, dẫn đến chưa bảo đảm để thực hiện.

- Hạn chế trong quy định của BLTTHS Việt Nam đối với nghĩa vụ thứ tư của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn: bồi thường trong pháp luật Việt Nam nói chung và BLTTHS nói riêng tuy có quy định. Nhưng chỉ mới mang tính chất nền tảng, mà chưa cụ thể để áp dụng để bồi thường, thiệt hại trong trường hợp nạn nhân bị tra tấn.

- Hạn chế trong quy định của BLTTHS Việt Nam so với nghĩa vụ thứ năm của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn: Qua nghiên cứu, xem xét tác giả thấy rằng nghĩa vụ này không được quy định cụ thể, mà chỉ có quy định gián tiếp và chưa đầy đủ ý nghĩa cho quá trình LLK, HCBC.

- Hạn chế trong quy định của BLTTHS Việt Nam so với nghĩa vụ thứ sáu của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn: nghĩa vụ này chưa được BLTTHS năm 2015 ghi nhận, đến nay chỉ mới có những quy định chung thể hiện trên nguyên tắc để phòng ngừa hành vi tra tấn trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Vấn đề này cho thấy, BLTTHS năm 2015 vẫn còn những điểm chưa tương đồng với quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn.

CHƯƠNG 3

ĐÁNH GIÁ THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH PHÒNG NGỪA TRA TẤN ĐỐI VỚI LẤY LỜI KHAI, HỎI CUNG BỊ CAN TRONG BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM SO VỚI QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC LIÊN HỢP QUỐC VỀ CHỐNG TRA TẤN

3.1 Những kết quả đạt được trong thực tiễn phòng ngừa tra tấn đối với lấy lời khai, hỏi cung bị can trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam trên cơ sở quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn

Kết quả thực hiện nghĩa vụ thứ nhất

Kết quả thực hiện nghĩa vụ thứ hai và nghĩa vụ thứ ba

Kết quả thực hiện nghĩa vụ thứ tư

Kết quả thực hiện nghĩa vụ thứ năm.

3.2 Những hạn chế trong thực tiễn áp dụng quy định phòng ngừa tra tấn đối với lấy lời khai, hỏi cung bị can trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam trên cơ sở quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn

3.2.1 Hạn chế trong thực tiễn áp dụng quy định phòng ngừa tra tấn đối với lấy lời khai, hỏi cung bị can trong bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam trên cơ sở nghĩa vụ thứ nhất của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn

Lấy lời khai đối với người bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố

Lấy lời khai đối với người bị bắt, tạm giữ; hỏi cung bị can

LLK đối với người bị bắt, tạm giữ; HCBC đối với người dưới

Sự tham gia của người bào chữa khi Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng LLK, HCBC

3.2.2 Hạn chế trong thực tiễn áp dụng quy định phòng ngừa tra tấn đối với lấy lời khai, hỏi cung bị can trong bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam trên cơ sở quy định nghĩa vụ thứ ba của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn

Để bảo đảm các quyền khiếu nại, thì sự tham gia của KSV trong quá trình LLK, HCBC chính là một trong những biện pháp phòng ngừa tra tấn hữu hiệu. Tuy nhiên, quy định pháp luật còn chưa đầy đủ, dẫn đến bất cập trong thực tiễn thi hành. KSV không tham gia hoặc tiến hành LLK, mà theo quy định pháp luật chỉ tham gia hoặc tiến hành HCBC

3.2.3 Hạn chế trong thực tiễn áp dụng quy định phòng ngừa tra tấn đối với lấy lời khai, hỏi cung bị can trong bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam trên cơ sở nghĩa vụ thứ tư của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn

Về cơ bản pháp luật Việt Nam mới chỉ quy định bồi thường oan sai trong tố tụng mà chưa quy định cụ thể “bồi thường nhà nước đối với nạn nhân bị tra tấn trong tố tụng hình sự” thuộc trách nhiệm của Nhà nước.

3.2.4 Hạn chế trong thực tiễn áp dụng quy định phòng ngừa tra tấn đối với lấy lời khai, hỏi cung bị can trong bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam trên cơ sở nghĩa vụ thứ năm của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn

Thực tiễn các vụ án, được các cơ quan chức năng phát hiện có tra tấn và quyết định không sử dụng kết quả lời khai còn chiếm tỉ lệ rất ít trong tổng số các VAHS được điều tra khám phá.

3.2.5. Hạn chế trong thực tiễn áp dụng quy định phòng ngừa tra tấn đối với lấy lời khai, hỏi cung bị can trong bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam trên cơ sở nghĩa vụ thứ sáu của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn

Trong quá trình tổ chức một buổi LLK, HCBC thì hình thức tiến hành, vị trí, cách thức ngồi làm việc của người được tổ chức LLK hoặc hỏi cung, nếu không được quy định cụ thể rất dễ dẫn đến những hành vi đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người như: khi tiến hành LLK, HCBC bị còng tay thậm chí còng tay vào vào các khung cửa sổ trên cao chỉ cho một chân chạm đất, bắt ngồi dưới đất, buộc đứng quay vào tường trong nhiều giờ, không cho nghỉ ngơi, ăn uống khi tiến hành LLK, HCBC kéo dài...

CHƯƠNG 4
KINH NGHIỆM LẬP PHÁP NƯỚC NGOÀI VỀ NỘI
LUẬT HÓA QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC LIÊN HỢP QUỐC
VỀ CHỐNG TRA TẤN ĐỐI VỚI LẤY LỜI KHAI,
HỎI CUNG BỊ CAN

4.1 Cơ sở lựa chọn pháp luật tố tụng hình sự một số quốc gia đã tham gia Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn để nghiên cứu học tập kinh nghiệm

Thứ nhất, Liên bang Nga, CHLB Đức, Vương Quốc Anh là những quốc gia tham gia Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn, ngay từ những năm đầu tiên.

Thứ hai, mỗi quốc gia được nghiên cứu, đều hướng đến mục đích cuối cùng là học tập kinh nghiệm, để phục vụ cho vấn đề nội luật hóa, nhằm phòng ngừa tra tấn.

Thứ ba, với sự lựa chọn các quốc gia nêu trên, tác giả đang hướng đến tính đại diện cho mô hình tố tụng hình sự điển hình trên thế giới.

4.2 Kinh nghiệm nước ngoài trong việc nội luật hóa quy định quy định Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn đối với lấy lời khai, hỏi cung bị can

4.2.1 Liên bang Nga

4.2.2 Cộng hòa Liên bang Đức

4.2.3 Vương quốc Anh

4.3 Kinh nghiệm lập pháp cho Việt Nam về phòng ngừa tra tấn

Thứ nhất, quy định tổng thời gian, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng được tiến hành ghi nhận lời khai trong một ngày; người bị tình nghi được nghỉ ngơi và ăn uống 01 giờ khi thời gian ghi nhận lời

khai kéo dài; trường hợp có chỉ định của cơ quan y tế thì thời gian ghi nhận lời khai được xác định trên cơ sở của bác sĩ; được tiếp hành ghi âm, ghi hình có âm thanh khi tiến hành ghi nhận lời khai.

Thứ hai, các phương pháp nghiêm cấm khi tiến hành thẩm vấn.

Thứ ba, trường hợp từ chối khai báo được ghi vào trong biên bản; trong biên bản hỏi cung phải ghi nhận tất cả câu hỏi và câu trả lời, kể cả câu hỏi mà bị can từ chối trả lời; nghiêm cấm các câu hỏi mang tính chất gợi ý; trong quá trình ghi nhận lời khai; có quyền từ chối bất cứ câu hỏi nào, nếu không liên quan đến vụ án; nghiêm cấm Cảnh sát hoặc Công tố viên, tìm mọi cách buộc bị can phải khai báo trái ý muốn trong quá trình ghi lời khai.

Thứ tư, trong buổi ghi nhận lời khai phải có luật sư tham gia, ngoại trừ họ từ bỏ quyền này. Luật sư được triệu tập muộn nhất 5 ngày làm việc, trước khi tiến hành lấy lời khai.

Thứ năm, những lời khai có được do vi phạm điều cấm sẽ không được sử dụng, ngay cả khi bị can đồng ý việc sử dụng chúng.

Đối với Vương quốc Anh quy định: không chấp nhận bất cứ lời khai được thu thập trong tình trạng “*không tự nguyện*” khi bị tra tấn hay đe dọa, vô nhân đạo hoặc đối xử tồi tệ. Ngoài ra, còn có quy định chứng cứ sẽ không được thừa nhận nếu thu thập được bằng hình thức áp bức. Chính là một số kinh nghiệm mà Việt Nam có thể tiếp thu nhằm phòng ngừa tra tấn.

CHƯƠNG 5

KIẾN NGHỊ VỀ NỘI LUẬT HÓA QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC LIÊN HỢP QUỐC VỀ CHỐNG TRA TẤN ĐỐI VỚI QUY ĐỊNH LẤY LỜI KHAI, HỎI CUNG BỊ CAN TRONG BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

5.1 Cơ sở kiến nghị nội luật hóa quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn đối với quy định về lấy lời khai, hỏi cung bị can trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam

Thứ nhất, cơ sở pháp lý.

Thứ hai, cơ sở chính trị.

Thứ ba, cơ sở chỉ đạo điều hành trong quản lý nhà nước.

Thứ tư, cơ sở thực tiễn.

5.2 Một số kiến nghị nội luật hóa quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn đối với lấy lời khai, hỏi cung bị can trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam

5.2.1 Kiến nghị để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thứ nhất, nghĩa vụ thứ ba, nghĩa vụ thứ năm, nghĩa vụ thứ sáu

Một là, xây dựng quy định cụ thể về lấy lời khai đối với người bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố trong BLTTHS Việt Nam.

Hai là, xây dựng quy định về LLK đối với người bị bắt, bị tạm giữ, trong BLTTHS Việt Nam

Ba là, sửa đổi, bổ sung quy định về HCBC trong BLTTHS Việt Nam năm 2015

Bốn là, sửa đổi bổ sung quy định LLK, HCBC là người dưới 18 tuổi trong BLTTHS Việt Nam năm 2015

Năm là, BLTTHS Việt Nam 2015 đã có những quy định về việc sẽ không sử dụng lời khai là kết quả của hành vi tra tấn. Bởi vì lời

khai có được từ hành vi tra tấn sẽ không tuân thủ đúng theo các quy định tại Điều 86, khoản 2 Điều 87. Tuy nhiên nếu chỉ dừng lại ở đây theo tác giả thì chưa thật sự phù hợp và đầy đủ ý nghĩa so với quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn.

5.2.2 Kiến nghị để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thứ tư

BLTTHS năm 2015 tuy có quy định về bồi thường thiệt hại do hành vi của người thi hành công vụ gây ra nhưng chưa cụ thể hóa bồi thường thiệt hại do hành vi tra tấn của người thi hành công vụ được mô tả tại Điều 1 của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn. Do đó, nếu thực tế có hành vi tra tấn và nạn nhân yêu cầu cơ quan chức năng bồi thường thiệt hại sẽ thiếu cơ pháp lý hoàn chỉnh để thực hiện. Đồng thời Ủy ban chống tra tấn cũng đã khuyến nghị đối với Việt Nam “*Bảo đảm rằng việc bồi thường và tái hòa nhập, bao gồm hỗ trợ y tế và tâm lý, được cung cấp cho tất cả các nạn nhân bị tra tấn và ngược đãi, và bồi thường cũng được cung cấp cho gia đình của những nạn nhân bị chết*”. Do đó, tác giả kiến nghị bổ sung nội dung này trong quy định tại đoạn 2 khoản Điều 31 BLTTHS năm 2015.

KẾT LUẬN

Pháp luật quốc tế về quyền con người đã có những chuẩn mực tối thiểu đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp trong tổ tụng hình sự được áp dụng trong phạm vi toàn cầu, không kể hệ thống chính trị, trình độ phát triển kinh tế, xã hội. Hệ thống các chuẩn mực tối thiểu về quyền con người được quy định trong nhiều văn kiện, đáng chú ý nhất là Tuyên ngôn nhân quyền thế giới năm 1948; Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966; Những nguyên tắc cơ bản trong việc đối xử với tù nhân và đặc biệt là Công ước chống sự tra tấn, đối xử vô nhân đạo hoặc hình phạt tàn bạo vô nhân đạo được Đại hội đồng Liên Hợp quốc thông qua bằng Nghị quyết số 39/46 ngày 10/12/1984, có hiệu lực từ ngày 26/6/1987. Các quy định trong các văn kiện này tạo thành hệ thống các chuẩn mực tối thiểu về quy tắc ứng xử của cơ quan và nhân viên thực thi pháp luật cũng như đảm bảo cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, phạm nhân có các quyền pháp lý nhất định để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, giảm thiểu các nguy cơ xâm hại bất hợp pháp từ các cơ quan thực thi pháp luật, đặc biệt là nguy cơ bị tra tấn, nhục hình. Cũng như nhiều quốc gia khác trên thế giới, Việt Nam tuyệt đối nghiêm cấm việc sử dụng các biện pháp tra tấn, trừng phạt tàn nhẫn và nhục hình đối với người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, phạm nhân.

Mục đích của hoạt động của tổ tụng hình sự tại Việt Nam là nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi phạm tội, đảm bảo mọi tội phạm được phát hiện kịp thời, không để lọt tội phạm và không xử lý oan người vô tội. Tuy nhiên không vì mục đích đó mà tổ tụng hình sự lại xem nhẹ vấn đề bảo đảm các quyền con người khi áp dụng các biện pháp điều tra, thu thập chứng cứ (trong đó có LLK, HCBC) để chứng minh tội phạm và người phạm tội. Vì vậy, đảm bảo quyền con người, quyền và lợi ích hợp

pháp của các chủ thể tham gia tố tụng hình sự giảm thiểu các nguy cơ xâm phạm bất hợp pháp chính là trọng tâm về bảo vệ quyền con người trong hoạt động tố tụng hình sự Việt Nam là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Đảng và Nhà nước ta.

Việt Nam đã tham gia Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn và là thành viên chính thức của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn từ năm 2015, sự kiện pháp lý này đã đặt ra nhiệm vụ trọng tâm của ngành tư pháp Việt Nam là phải nghiên cứu và tổ chức thực hiện nghiêm túc Công ước quốc tế này trên phạm vi quốc gia thông qua hình thức nội luật hóa nhằm bảo đảm thể chế chính trị. Chính vì vậy nội luật hóa Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn vào hệ thống pháp luật quốc gia trong đó có Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam là một trong những nhiệm vụ trọng tâm thể hiện quan điểm về quyền con người của Đảng và nhà nước. Đồng thời, thể hiện với thế giới rằng “Ở Việt Nam quyền con người, quyền không bị tra tấn luôn được coi trọng và bảo đảm thi hành”. Trong nội dung Luận án đã đạt được một số kết quả như sau:

Thứ nhất, luận án làm rõ được những vấn đề lý luận khi thực hiện nghĩa vụ của quốc gia thành viên khi đã phê chuẩn Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn. Căn cứ vào tình hình thực tiễn tại Việt Nam và các văn bản chỉ đạo của Chính Phủ. Việt Nam sẽ không áp dụng trực tiếp Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn mà phải tiến hành nội luật hóa vào hệ thống pháp luật quốc gia. Do đó, tác giả đã làm rõ khái, đặc điểm, ý nghĩa và yêu cầu cần phải đạt được khi tiến hành nội luật hóa Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn vào BLTTHS Việt Nam nói chung và nội luật hóa Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn đối với LLK, HCBC trong BLTTHS Việt Nam.

Thứ hai, căn cứ vào các quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn, luận án đã làm rõ những quy định nào có liên quan đến

LLK, HCBC cần phải nội luật hóa. Qua đó so sánh đối chiếu với các quy định về LLK, HCBC của BLTTHS Việt Nam năm 2015 cho thấy về cơ bản trong kỹ thuật lập pháp BLTTHS Việt Nam năm 2015 đã có những điểm tương đồng với quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn nhằm phòng ngừa tra tấn. Tuy nhiên, xuất phát từ nguyên nhân Việt Nam chưa quy định Tra tấn là tội phạm cụ thể trong BLHS theo đúng khái niệm Điều 1 của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn đã dẫn đến hầu hết các quy định về phòng ngừa tra tấn đối với LLK, HCBC đều là nhằm phòng ngừa tra tấn về thể xác là chủ yếu, chưa thể hiện phòng ngừa tra tấn về tinh thần. Ngoài ra, đối với LLK người bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố, người bị bắt, tạm giữ trong BLTTHS Việt Nam năm 2015 không có quy định cụ thể mà chỉ nằm rải rác ở các điều luật khác nhau, thiếu sự thống nhất. Do đó, thiếu các quy định để phòng ngừa bị tra tấn, dùng nhục hình trong thực tiễn. Bên cạnh đó một số quy định còn mang tính chất tùy nghi áp dụng nên dễ bị lạm dụng trong thực tiễn LLK, HCBC.

Thứ ba, sự tham gia của người bào chữa, hoạt động ghi âm ghi hình tuy đã được quy định trong BLTTHS Việt Nam năm 2015 nhằm phòng ngừa tra tấn. Nhưng vẫn còn thiếu cơ chế hoàn chỉnh để thực hiện. Dẫn đến thực trạng áp dụng quy định của BLTTHS Việt Nam năm 2015 đối với LLK, HCBC trong thực tế vẫn chưa bảo đảm cơ chế phòng ngừa tra tấn theo quy định của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn. Các vụ án về bức cung, dùng nhục hình vẫn còn diễn ra, có nhiều nguyên nhân dẫn đến hành vi dùng nhục hình nhưng một trong những nguyên nhân quan trọng đó là quy định của BLTTHS Việt Nam năm 2015 còn chưa rõ ràng. Dẫn đến quá trình lạm dụng trên thực tế, nhiều vụ án nạn nhân bị dùng nhục hình với tỉ lệ thương tích nặng hoặc thậm chí đã chết sau quá trình LLK, HCBC. Để minh chứng cho thực trạng này, tác giả đã áp dụng nhiều

phương pháp nghiên cứu bao gồm: điều tra xã hội học, phân tích vụ án, nghiên cứu điển hình.... để làm rõ nguyên nhân dẫn đến hành vi tra tấn.

Thứ tư, luận án nghiên cứu điển hình một số quốc gia trên thế giới đã là thành viên của Công ước Liên Hợp quốc về chống tra tấn như: Liên bang Nga, CHLB Đức, Vương quốc Anh. Đồng thời xem xét các quy định về LLK, HCBC trong BLTTHS đã tiến hành phòng ngừa tra tấn như thế nào. Qua đó, tác giả đã tiếp thu những kinh nghiệm của các quốc gia này để đề xuất kiến nghị sửa đổi, bổ sung phòng ngừa tra tấn đối với LLK, HCBC trong BLTTHS Việt Nam bao gồm: quy định trình tự thủ tục LLK đối với người bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố, người làm chứng, bị hại; bổ sung những trường hợp được tiến hành HCBC vào ban đêm, tính hợp pháp của chứng cứ là lời khai, đảm bảo khiếu nại tố cáo khi tiến hành LLK, HCBC và bảo đảm bồi thường thiệt hại cho nạn nhân bị tra tấn trong tố tụng hình sự.

Tra tấn trong quá trình LLK, HCBC là những hành vi xâm phạm nghiêm trọng đến quyền con người. Những hành vi này cần được ngăn chặn và loại bỏ một cách triệt để thực hiện mục tiêu Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là của dân, do dân và vì dân mà chúng ta đã và đang nỗ lực xây dựng. Để làm được điều này, bên cạnh những bảo đảm về mặt luật pháp đối với các quyền con người, tăng cường năng lực cho hệ thống cơ quan và người tiến hành tố tụng, đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, tăng cường các dịch vụ hỗ trợ về mặt pháp lý cho công dân nói chung và người tham gia tố tụng nói riêng thì việc tăng cường khả năng tự bảo vệ mình của các đối tượng này cũng là một vấn đề rất cần được chú trọng. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng cần tiến hành rà soát tổng thể hệ thống pháp luật trong nước và có bước chuẩn bị phù hợp để thực hiện cam kết mạnh mẽ của Việt Nam với cộng đồng quốc tế trong việc bảo vệ quyền con người.